

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ
THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ TỈNH BẮC KẠN
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
I	Lĩnh vực Việc làm			
1	2.000888.000.00.00.H03	Tham gia bảo hiểm thất nghiệp	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương	Bảo hiểm xã hội khu vực X
2	1.001978.000.00.00.H03	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp		Sở Nội vụ; Trung tâm Dịch vụ việc làm
3	1.001973.000.00.00.H03	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp		Sở Nội vụ; Trung tâm Dịch vụ việc làm
4	1.001966.000.00.00.H03	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp		Sở Nội vụ; Trung tâm Dịch vụ việc làm
5	2.001953.000.00.00.H03	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp		Sở Nội vụ; Trung tâm Dịch vụ việc làm

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
6	2.000178.000.00.00.H03	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyên đi)	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương	Trung tâm Dịch vụ việc làm
7	1.000401.000.00.00.H03	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyên đến)		Trung tâm Dịch vụ việc làm
8	2.000839.000.00.00.H03	Giải quyết hỗ trợ học nghề		Sở Nội vụ, Trung tâm Dịch vụ việc làm
9	2.000148.000.00.00.H03	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm		Trung tâm Dịch vụ việc làm
10	1.000362.000.00.00.H03	Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng		Trung tâm Dịch vụ việc làm
11	1.001881.000.00.00.H03	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động		UBND tỉnh, Sở Nội vụ
12	1.001865.000.00.00.H03	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		Sở Nội vụ
13	1.001853.000.00.00.H03	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		Sở Nội vụ
14	1.001823.000.00.00.H03	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		Sở Nội vụ
15	1.000105.000.00.00.H03	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài		Sở Nội vụ

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
16	2.000219.000.00.00.H03	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài của nhà thầu	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương	Sở Nội vụ
17	1.000459.000.00.00.H03	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động		Sở Nội vụ
18	2.000205.000.00.00.H03	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam		Sở Nội vụ
19	2.000192.000.00.00.H03	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam		Sở Nội vụ
20	1.009874.000.00.00.H03	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		Chủ tịch UBND tỉnh; Sở Nội vụ
21	1.009873.000.00.00.H03	Thu hồi Giấy pháp hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		Sở Nội vụ
22	1.009811.000.00.00.H03	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam		Sở Nội vụ
23	1.011546.000.00.00.H03	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động		Ngân hàng Chính sách xã hội
24	1.011547.000.00.00.H03	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh		Ngân hàng Chính sách xã hội

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
II	Lĩnh vực Người có công			
1	1.010801.000.00.00.H03	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương	Sở Nội vụ, UBND cấp xã
2	1.010802.000.00.00.H03	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác		Sở Nội vụ nơi cá nhân thường trú, Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ gốc, UBND cấp xã
3	1.010803.000.00.00.H03	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ		Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ, UBND cấp xã
4	1.010804.000.00.00.H03	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”		Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ, UBND cấp xã
5	1.010805.000.00.00.H03	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an		Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ, UBND cấp xã
6	1.010806.000.00.00.H03	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh		Sở Nội vụ
7	1.010807.000.00.00.H03	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an		Sở Nội vụ, Hội đồng giám định y khoa

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
8	1.0107808.000.00.00.H03	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương	Sở Nội vụ
9	1.010809.000.00.00.H03	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động		Sở Nội vụ
10	1.010810.000.00.00.H03	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an		Sở Nội vụ, Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
11	1.010811.000.00.00.H03	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý		Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ, Trung tâm điều dưỡng Người có công
12	1.010612.000.00.00.H03	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý		Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ, UBND cấp xã
13	1.010813.000.00.00.H03	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình		Sở Nội vụ, Trung tâm điều dưỡng Người có công

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
14	1.010814.000.00.00.H03	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương	UBND cấp xã, Cơ quan quản lý hồ sơ
15	1.010815.000.00.00.H03	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng		Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, Sở Nội vụ, UBND cấp xã
16	1.010816.000.00.00.H03	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Sở Nội vụ, Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh, Phòng Nội vụ, UBND cấp xã
17	1.010817.000.00.00.H03	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		Sở Nội vụ, Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh, Phòng Nội vụ, UBND cấp xã
18	1.010818.000.00.00.H03	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày		Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ, UBND cấp xã
19	1.010819.000.00.00.H03	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế		Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ, UBND cấp xã

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
20	1.010820.000.00.00.H03	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương	Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ, UBND cấp xã
21	1.010821.000.00.00.H03	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân		Cơ quan, đơn vị quản lý người có công thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ, UBND cấp xã
22	1.010822.000.00.00.H03	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên		Sở Nội vụ
23	1.010823.000.00.00.H03	Hưởng lại chế độ ưu đãi		Sở Nội vụ
24	1.010824.000.00.00.H03	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần		Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ, UBND cấp xã
25	1.010825.000.00.00.H03	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ		Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ, UBND cấp xã
26	1.010826.000.00.00.H03	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công		Sở Nội vụ; cơ quan có thẩm quyền
27	1.010827.000.00.00.H03	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú		Sở Nội vụ

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
28	1.010828.000.00.00.H03	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương	Sở Nội vụ
29	1.010829.000.00.00.H03	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ		Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ, UBND cấp xã
30	1.010830.000.00.00.H03	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ		Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ, UBND cấp xã
31	1.010831.000.00.00.H03	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh		Cơ quan, đơn vị quản lý liệt sĩ trước khi hy sinh cấp tỉnh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
32	2.001157.000.00.00.H03	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến		UBND cấp xã, UBND cấp huyện, Sở Nội vụ, UBND tỉnh, Hội cựu TNXP, các cơ quan liên quan

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
33	2.001396.000.00.00.H03	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương	UBND cấp xã, UBND cấp huyện, Sở Nội vụ, UBND tỉnh, Hội cựu TNXP, các cơ quan liên quan
34	1.001257.000.00.00.H03	Thủ tục giải quyết một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ, UBND cấp xã
35	2.002308.000.00.00.H03	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống pháp		Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ, UBND cấp xã
III	Lĩnh vực Lao động, tiền lương			
1	2.001955.000.00.00.H03	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương	Sở Nội vụ
2	1.000414.000.00.00.H03	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động		Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Ngân hàng nhận ký quỹ

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
3	1.000436.000.00.00.H03	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương	Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nội vụ
4	1.000448.000.00.00.H03	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động		Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nội vụ
5	1.000464.000.00.00.H03	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động		Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nội vụ
6	1.000479.000.00.00.H03	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động		Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nội vụ
7	1.009466.000.00.00.H03	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể		UBND tỉnh, Sở Nội vụ
8	1.009467.000.00.00.H03	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể		UBND tỉnh, Sở Nội vụ
9	1.004964.000.00.00.H03	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a		Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND cấp huyện, Phòng Nội vụ, UBND cấp xã

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
IV	Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước			
1	2.002028.000.00.00.H03	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương	Sở Nội vụ
2	1.005132.000.00.00.H03	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày		Sở Nội vụ
3	1.000502.000.00.00.H03	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)		Sở Nội vụ
4	1.005219.000.00.00.H03	Thủ tục hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người bị thu hồi đất nông nghiệp đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng		Chủ đầu tư của mỗi dự án thực hiện hỗ trợ cho người lao động trong danh sách đền bù của dự án
V	Lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động			
1	2.000134.000.00.00.H03	Khai báo với Sở Lao động-Thương binh và Xã hội khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương	Sở Nội vụ
2	2.000111.000.00.00.H03	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp		Sở Nội vụ

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
3	1.005449.000.00.00.H03	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương	Sở Nội vụ
4	1.005450.000.00.00.H03	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)		Sở Nội vụ

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
5	2.002340.000.00.00.H03	Thủ tục giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp hằng tháng hoặc một lần; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người lao động chết do tai nạn lao động; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương	Bảo hiểm xã hội khu vực X
6	2.002341.000.00.00.H03	Thủ tục giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; ppkhám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động		Sở Nội vụ, Bảo hiểm xã hội khu vực X

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
7	2.002342.000.00.00.H03	Thủ tục giải quyết chế độ cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp một lần hoặc hằng tháng; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người lao động chết do bệnh nghề nghiệp; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm bệnh nghề nghiệp hằng tháng	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương	Bảo hiểm xã hội khu vực X
8	2.002343.000.00.00.H03	Thủ tục hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp		Sở Nội vụ, Bảo hiểm xã hội khu vực X
9	1.013337.000.00.00.H03	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành		Sở Nội vụ

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN			
I	Lĩnh vực Việc làm			
1	1.011548.000.00.00.H03	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương	Ngân hàng Chính sách xã hội
2	1.011550.000.00.00.H03	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh		Ngân hàng Chính sách xã hội
II	Lĩnh vực Người có công			
1	1.010832.000.00.00.H03	Thăm viếng mộ liệt sĩ	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương	Phòng Nội vụ, UBND cấp xã

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
III	Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước			
1	2.002105.000.00.00.H03	Thủ tục hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương	Phòng Nội vụ
C	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ			
I	Lĩnh vực Người có công			
1	1.010833.000.00.00.H03	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương	UBND cấp xã

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Số hồ sơ thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
Lĩnh vực Lao động, tiền lương				
1	1.004949.000.00.00.H03	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu	Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương	UBND tỉnh, Sở Nội vụ
2	2.001949.000.00.00.H03	xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II, hạng III)		